

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI CÁC TỘI PHẠM VỀ MẠI DÂM Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN VĂN TÙNG*

Pháp luật hình sự của mỗi quốc gia trên thế giới có sự khác nhau trong xác định, quy định các hành vi về mại dâm là tội phạm và hình phạt đối với các tội phạm đó. Bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và phát triển của công nghệ đã và đang đặt ra những vấn đề mới trong đấu tranh phòng, chống tội phạm về mại dâm. Điều này, đòi hỏi pháp luật hình sự của Việt Nam về các tội phạm về mại dâm cần phải tiếp tục hoàn thiện. Bài viết phân tích thực trạng ban hành pháp luật hình sự đối với các tội phạm về mại dâm; đánh giá những tồn tại, hạn chế trong quy định của pháp luật, từ đó, đề xuất giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự về các tội phạm mại dâm nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng trên thực tiễn ở nước ta hiện nay.

Từ khóa: Tội phạm về mại dâm; Bộ luật Hình sự; pháp luật hình sự; hoàn thiện pháp luật.

The criminal laws of each country around the world differ in how they define and regulate acts related to prostitution as crimes, as well as in the punishments imposed for such offenses. In the context of globalization, international integration, and technological development, new challenges are emerging in the fight against prostitution-related crimes. This situation necessitates the continued improvement of Vietnam's criminal law regarding prostitution offenses. This article analyzes the current state of criminal legislation concerning prostitution-related crimes, assesses the existing shortcomings and limitations in the legal provisions, and proposes solutions for improving the criminal law regulations on prostitution offenses to enhance their practical effectiveness in Vietnam today.

Keywords: Prostitution-related crimes; Criminal Code; criminal law; improvement of legislation.

NGÀY NHẬN: 16/02/2025

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 21/3/2025

NGÀY DUYỆT: 16/4/2025

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.351.2025.1153>

1. Đặt vấn đề

Mại dâm và những hành vi liên quan đến mại dâm là một trong những vấn đề được dư luận và xã hội quan tâm. Công ước về trấn áp việc buôn bán người và bóc lột mại dâm người khác năm 1949 của Đại Hội đồng Liên hiệp quốc đã khẳng định: mại dâm và tệ nạn đi kèm với nó là buôn bán người vì mục đích

mại dâm là trái với nhân phẩm, giá trị con người và đe dọa đến hạnh phúc của mỗi cá nhân, gia đình và cộng đồng¹. Bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và phát triển của công nghệ đã và đang đặt ra những vấn đề

* ThS, Học viện Cảnh sát nhân dân

mới trong đấu tranh phòng, chống tội phạm về mại dâm. Thời gian qua, Việt Nam luôn triển khai hoàn thiện pháp luật về phòng, chống mại dâm, trong đó khẳng định: kiên quyết xóa bỏ tệ nạn mại dâm (kể cả mua dâm, bán dâm) dưới bất kỳ hình thức nào².

2. Thực trạng pháp luật hình sự Việt Nam đối với các tội phạm về mại dâm

a. Việc ban hành pháp luật hình sự đối với các tội phạm về mại dâm

Trong pháp điển hóa đầu tiên với sự ra đời của *Bộ luật Hình sự* năm 1985, các tội phạm về mại dâm được quy định trong *Luật* với tên gọi “tội chứa mại dâm, tội môi giới mại dâm”³. Quy định các tội phạm về mại dâm không có sự thay đổi trong các lần sửa đổi, bổ sung *Bộ luật Hình sự* vào các năm 1989, 1991 và 1992. Tuy nhiên, trong lần sửa đổi, bổ sung năm 1997, pháp luật hình sự Việt Nam đã bổ sung “tội mua dâm người chưa thành niên” và quy định tại Điều 202a *Bộ luật Hình sự*⁴.

Trong pháp điển hóa lần thứ hai, *Bộ luật Hình sự* năm 1999 quy định các tội phạm về mại dâm tại Chương XIX, bao gồm⁵: tội chứa mại dâm, tội môi giới mại dâm và tội mua dâm người chưa thành niên. Ngày 17/3/2003, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua *Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm*. Từ đó, quan điểm chống mại dâm của Nhà nước tiếp tục được củng cố, đồng thời, tạo cơ sở pháp lý cho việc xác định và áp dụng quy định các tội phạm về mại dâm trong pháp luật hình sự khi đưa ra giải thích chính thức về mại dâm và các hành vi liên quan đến mại dâm. Trong giai đoạn này, đã có những văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn áp dụng một số quy định các tội phạm về mại dâm, như: Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của *Bộ luật Hình sự* năm 1999; Nghị quyết số

01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng tình tiết “phạm tội nhiều lần”, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 254 *Bộ luật Hình sự* năm 1999. Trong lần sửa đổi, bổ sung năm 2009, quy định các tội phạm về mại dâm trong *Bộ luật Hình sự* năm 1999 không có sự thay đổi.

Trong lần pháp điển hóa thứ ba, *Bộ luật Hình sự* năm 2015 quy định các tội phạm về mại dâm tại Mục 4 Chương XXI về các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, bao gồm⁶: tội chứa mại dâm, tội môi giới mại dâm và tội mua dâm người dưới 18 tuổi. Từ khi có hiệu lực, quy định các tội phạm về mại dâm trong *Bộ luật Hình sự* năm 2015 chưa có văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn áp dụng. Mặc dù vậy, ngày 04/4/2019, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành Công văn số 64/TANDTC-PC thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tố tụng hành chính, trong đó có nội dung hướng dẫn áp dụng tình tiết “chứa mại dâm 4 người trở lên” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 327 và “đối với 02 người trở lên”, quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 *Bộ luật Hình sự* năm 2015. Tuy nhiên, Công văn số 64/TANDTC-PC của Tòa án nhân dân tối cao không phải là văn bản quy phạm pháp luật theo *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*.

b. Những tồn tại, hạn chế trong quy định của pháp luật hình sự đối với các tội phạm về mại dâm

Thời gian qua, tội phạm về mại dâm “tăng nhanh về số lượng, phức tạp về tính chất và quy mô, đa dạng về hình thức thể hiện, đã và đang gây ra những hậu quả đặc biệt nghiêm trọng trên nhiều mặt của đời sống xã hội”⁷. Chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm 2024, cơ quan điều tra các cấp trên cả nước đã khởi tố, điều tra 456 vụ với 733 bị

can về các tội phạm về mại dâm⁸. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình hình tội phạm về mại dâm và một trong số đó là do những hạn chế trong quy định của *Bộ luật Hình sự* đối với các tội phạm về mại dâm. Từ thực tiễn quy định và áp dụng pháp luật hình sự trong đấu tranh phòng, chống mại dâm cho thấy, quy định của pháp luật hình sự về các tội phạm về mại dâm có những tồn tại, hạn chế.

Một là, các tội phạm về mại dâm trong pháp luật hình sự được xác định trên cơ sở giải thích về mại dâm, mua dâm và bán dâm trong *Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm*. Trong khi đó, giải thích của *Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm* đối với các hành vi này chưa phản ánh đầy đủ các loại hình mại dâm trên thực tiễn. Điều kiện để áp dụng pháp luật hình sự về các tội chứa mại dâm, môi giới mại dâm và mua dâm người dưới 18 tuổi trong đấu tranh phòng, chống mại dâm là phải xác định có hành vi mua dâm, bán dâm được thực hiện trên thực tiễn và các hành vi này phải là mại dâm theo giải thích của *Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm*: mại dâm là hành vi mua dâm, bán dâm; mua dâm là hành vi của người dùng tiền hoặc lợi ích vật chất khác trả cho người bán dâm để được giao cấu; bán dâm là hành vi giao cấu của một người với người khác để được trả tiền hoặc lợi ích vật chất khác⁹.

Như vậy, điều kiện cần và đủ để xác định mại dâm theo *Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm* là: (1) Có hành vi giao cấu giữa người mua dâm và người bán dâm; (2) Hành vi giao cấu được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận tiền hoặc lợi ích vật chất. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, nhiều trường hợp người mua dâm và người bán dâm không giao cấu mà thực hiện các hành vi có tính chất tình dục. Trong những trường hợp này không thể áp dụng *Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm* về các tội phạm về mại dâm để xử lý hình sự đối với người chứa mại dâm, môi giới mại dâm

hoặc mua dâm người dưới 18 tuổi do không có hành vi giao cấu giữa người mua dâm và người bán dâm. Ví dụ: Ngày 01/10/2018, Công an phường Dur Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng bắt quả tang đối tượng tổ chức cho 8 nam thanh niên mua bán dâm đồng tính nhưng không thể áp dụng pháp luật hình sự xử lý hình sự do không có quy định¹⁰. Hạn chế này đã và đang tồn tại sau hơn 20 năm ban hành và triển khai thực hiện *Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm* nhưng chưa được khắc phục, làm giảm tính hiệu quả khi áp dụng pháp luật hình sự trong đấu tranh phòng, chống mại dâm¹¹.

Hai là, hành vi tổ chức hoạt động mại dâm chưa được quy định là tội phạm độc lập để truy cứu trách nhiệm hình sự. Nghiên cứu quy định của *Bộ luật Hình sự* năm 2015 về các tội phạm về mại dâm cho thấy: “có tổ chức” là tình tiết định khung tăng nặng của tội chứa mại dâm (điểm b khoản 1 Điều 327) và tội môi giới mại dâm (điểm b khoản 1 Điều 328). Tuy nhiên, tình tiết này không phải là tổ chức hoạt động mại dâm và khi không quy định hành vi tổ chức hoạt động mại dâm là tội phạm độc lập trong *Bộ luật Hình sự* sẽ không hợp lý, bởi:

(1) Do “có tổ chức” là tình tiết định khung tăng nặng của tội chứa mại dâm và tội môi giới mại dâm nên tình tiết này phải được hiểu là chứa mại dâm có tổ chức hoặc môi giới mại dâm có tổ chức, không phải là tổ chức hoạt động mại dâm;

(2) Theo *Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm*, chứa mại dâm, môi giới mại dâm và tổ chức hoạt động mại dâm là những hành vi khác nhau. Xét về bản chất, hành vi tổ chức hoạt động mại dâm có tính nguy hiểm cho xã hội lớn hơn hành vi chứa mại dâm và môi giới mại dâm, nếu quy định chứa mại dâm và môi giới mại dâm là tội phạm độc lập mà không tổ chức hoạt động mại dâm là tội phạm độc lập để truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ không phù hợp và tương xứng với tính

chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội;

(3) Không phải người tổ chức hoạt động mại dâm nào cũng chứa mại dâm hoặc môi giới mại dâm. Nếu truy cứu trách nhiệm hình sự người tổ chức hoạt động mại dâm về tội chứa mại dâm hoặc tội môi giới mại dâm với vai trò đồng phạm sẽ không phản ánh đầy đủ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi tổ chức, trong một số trường hợp sẽ không xử lý hình sự đối với người tổ chức hoạt động mại dâm (chỉ huy, phân công, điều hành...) nhưng không chứa mại dâm hoặc môi giới mại dâm;

(4) Khi chưa quy định tổ chức hoạt động mại dâm là tội phạm độc lập để truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ không tương thích với quy định của pháp luật hình sự về các tội phạm khác đối với hành vi tổ chức đã được quy định là tội phạm.

Ba là, pháp luật hình sự chưa phân hóa trách nhiệm hình sự đối với hành vi cưỡng bức mại dâm. Hiện nay, “cưỡng bức mại dâm” là tình tiết định khung tăng nặng của tội chứa mại dâm (điểm b khoản 2 và điểm c khoản 4 Điều 327 *Bộ luật Hình sự* năm 2015). Việc pháp luật hình sự quy định cưỡng bức mại dâm là tình tiết định khung tăng nặng của tội chứa mại dâm mà chưa phân hóa trách nhiệm hình sự quy định là tội phạm độc lập đối với hành vi này là chưa hợp lý, bởi:

(1) Mặc dù không giải thích cưỡng bức mại dâm, tuy nhiên căn cứ giải thích “cưỡng bức bán dâm là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn buộc người khác phải thực hiện việc bán dâm” tại khoản 6 Điều 3 *Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm* có thể xác định: chứa mại dâm và cưỡng bức mại dâm là 2 hành vi khác nhau về bản chất.

(2) Về nguyên tắc, chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự theo cấu thành tội phạm tăng nặng nếu trước đó hành vi đã thỏa mãn cấu thành tội phạm cơ bản. Do Điều 327 *Bộ luật*

Hình sự năm 2015 không quy định cưỡng bức mại dâm là tình tiết định tội trong cấu thành cơ bản (khoản 1) mà quy định là tình tiết định khung tăng nặng trong cấu thành tội phạm tăng nặng (khoản 2 và khoản 4) nên không thể truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người cưỡng bức mại dâm nếu trước đó họ không chứa mại dâm. Hạn chế này dẫn đến việc không thể xử lý hình sự về hành vi cưỡng bức bán dâm do không có quy định để áp dụng.

Bốn là, hành vi lợi dụng internet để hoạt động phạm tội chưa được *Bộ luật Hình sự* quy định là tình tiết định khung tăng nặng của tội chứa mại dâm và môi giới mại dâm. Hiện nay, hoạt động mại dâm trên không gian mạng diễn biến phức tạp, có xu hướng dịch chuyển sang hình thức biến tướng, như: “sugar daddy” (bố nuôi), “sugar baby” (con nuôi)... Đối tượng phạm tội về mại dâm đã lợi dụng internet để thành lập trang web đen, hội nhóm kín trên trang mạng xã hội (Facebook, Zalo, Viber, Telegram...) để quảng cáo, đăng tin về người bán dâm, chào mời khách mua dâm.

Năm là, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định chưa được quy định là hình phạt bổ sung đối với tội chứa mại dâm và tội môi giới mại dâm. Đối tượng phạm tội chứa mại dâm, môi giới mại dâm thường lợi dụng nghề nghiệp đang làm để thực hiện hành vi phạm tội, như: cơ sở kinh doanh lưu trú, kinh doanh karaoke, nhà hàng, quán cà phê, massage... để môi giới mại dâm hoặc chứa mại dâm. Thực trạng này đã và đang làm giảm tính hiệu quả của hình phạt bổ sung trong ngăn chặn, phòng ngừa các tội phạm về mại dâm.

Sáu là, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn áp dụng quy định các tội phạm về mại dâm trong *Bộ luật Hình sự* năm 2015 chưa được ban hành, do vậy, chưa kịp thời giải quyết vướng mắc phát sinh trong thực tiễn áp dụng

3. Kiến nghị, đề xuất

Thứ nhất, sửa đổi *Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm* theo hướng mở rộng nội hàm khái niệm mua dâm và bán dâm. Theo đó, mua dâm và bán dâm không chỉ là hành vi giao cấu giữa người mua và người bán mà còn là những hành vi khác có tính chất tình dục trên cơ sở thỏa thuận tiền hoặc lợi ích vật chất. Đề xuất sửa đổi khoản 1 và khoản 2, Điều 3 *Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm* năm 2003 như sau:

“1. Bán dâm là hành vi giao cấu hoặc quan hệ tình dục của một người với người khác để được trả tiền hoặc lợi ích vật chất khác;

2. Mua dâm là hành vi của người dùng tiền hoặc lợi ích vật chất khác trả cho người bán dâm để được giao cấu hoặc quan hệ tình dục”.

Thứ hai, quy định là tội phạm độc lập để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi tổ chức hoạt động mại dâm phù hợp với những hành vi tổ chức khác đã được *Bộ luật Hình sự* quy định là tội phạm.

Thứ ba, phân hóa trách nhiệm hình sự đối với hành vi cưỡng bức mại dâm. Nên bỏ quy định “cưỡng bức mại dâm” là tình tiết định khung tăng nặng của tội chứa mại dâm tại điểm b khoản 2 và điểm c khoản 4 Điều 327 *Bộ luật Hình sự*; đồng thời, quy định cưỡng bức mại dâm thành một tội phạm độc lập phù hợp với những hành vi cưỡng bức khác đã được *Bộ luật Hình sự* quy định là tội phạm.

Thứ tư, bổ sung quy định: “lợi dụng internet để hoạt động phạm tội” là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự trong cấu thành tăng nặng của tội chứa mại dâm và tội môi giới mại dâm.

Thứ năm, bổ sung cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định là hình phạt bổ sung của tội chứa mại dâm và môi giới mại dâm quy định tại khoản 5 Điều 327; khoản 4 Điều 328; khoản 4 Điều 329 *Bộ luật Hình sự*.

Thứ sáu, tiếp tục tổng hợp vướng mắc từ thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về các tội phạm về mại dâm, đề xuất liên ngành tư pháp trung ương hoặc Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn áp dụng quy định các tội phạm về mại dâm thống nhất trên phạm vi cả nước □

Chú thích:

1. Công ước về trấn áp buôn bán người và bóc lột mại dâm người khác. <https://thuvien-phapluat.vn>, truy cập ngày 21/11/2024;

2. Chính phủ (1993). *Nghị quyết số 05-CP ngày 29/01/1993 về ngăn chặn và chống tệ nạn mại dâm*.

3. Điều 202 *Bộ luật Hình sự* năm 1985.

4. Điều 202a *Bộ luật Hình sự* năm 1985 (sửa đổi, bổ sung năm 1997).

5. Điều 254, 255, 256 *Bộ luật Hình sự* năm 1999.

6. Điều 327, 328, 329 *Bộ luật Hình sự* năm 2015.

7. Đặng Thị Phương Linh (2022). *Phòng ngừa các tội phạm về mại dâm ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*. Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 2.

8. *Tệ nạn mại dâm ngày càng biến tướng, tinh vi hơn*. <https://dansinh.dantri.com.vn>, truy cập ngày 27/3/2025.

9. Ủy Ban Thường vụ Quốc hội (2003). *Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/3/2003 về phòng, chống mại dâm*.

10. *Điểm mại dâm nam đồng tính bị phát hiện tại Hải Phòng*. <https://tienphong.vn>, truy cập ngày 27/3/2025.

11. Thủ tướng Chính phủ (2016). *Quyết định số 361/QĐ-TTg ngày 07/3/2016 phê duyệt Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2016 - 2020*.

Tài liệu tham khảo:

1. Trần Thành Hưng (2012). *Hoạt động của lực lượng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội trong phòng ngừa tội phạm về mại dâm*. Sách chuyên khảo. H. NXB Công an nhân dân.

2. Nguyễn Đức Tuấn (2025). *Pháp luật về thụ lý vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*. Tạp chí Quản lý nhà nước, số 349, tháng 02/2025.